

Bản án số: **205 /2020/HNGĐ-PT**

Ngày: 21/12/2020

V/v “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Lam**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Thanh Thảo**

Bà **Trần Thị Lê Na**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Công Hách**- Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Hà** -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2020/TLPT- HNGĐ ngày 04
tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 46/2020/HNGĐ-ST ngày 28
tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2020/QĐPT-
HNGĐ ngày 01/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 274/QĐPT- HNGĐ
ngày 14/12/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phương Thị Minh L**, sinh năm 1972

HKTT: P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Phòng 310 gác 3 tập thể B phường N, quận Ba Đình, thành phố
Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L: Luật sư **Phan T** - Văn
phòng Luật sư A, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1968

HKTT và nơi ở: P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà
Nội.

Đại diện ủy quyền của anh H về việc giải quyết tranh chấp tài sản: Bà **Hoàng
Thị S**, sinh năm 1988; Địa chỉ liên hệ: số 179 Phố H, phường N, quận Ba Đình,
thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H: Luật sư **Nguyễn Thị Thúy
K** – Công ty Luật TNHH B, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trụ sở: Số 42 ngõ C, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H kết hôn có đăng ký tại UBND phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 26/8/1993. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp về tính cách, quan điểm sống. Do mâu thuẫn kéo dài nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung luôn căng thẳng không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Ngày 02/4/2019, chị Phương Thị Minh L nộp Đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh H tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã thụ lý sơ thẩm vụ án nói trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tiến hành hòa giải, chị L và anh H đã thống nhất ly hôn nhưng hai bên không thống nhất thỏa thuận giải quyết được về phân chia tài sản chung, cả hai cùng đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật, tài sản yêu cầu cụ thể bao gồm:

- Là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109072754 tại địa chỉ: P12D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 2684.2003.QĐUB do UBND quận Đống Đa cấp ngày 31/12/2003 mang tên anh Nguyễn Thanh H và chị Phương Thị Minh L.

- Một bộ bàn ghế cổ bằng gỗ trắc lõi gồm: 01 bàn to, 03 bàn nhỏ, 01 ghế dài, 04 ghế đơn có trị giá ước tính khoảng 300.000.000 đồng.

Đối với các tài sản khác như: Công ty TNHH thương mại và xây dựng HL và công ty Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng LH; 01 xe Camry và máy xức Solar... chị L và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 46/2020/HNGĐ-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 33, 35, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Phương Thị Minh L. Chị Phương Thị Minh

L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Xác nhận chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, cháu Nguyễn Phương L. Hiện hai cháu đã trưởng thành việc ở với ai do các cháu tự quyết định, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

3. Về tài sản chung:

3.1. Xác nhận vợ chồng chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H có các tài sản chung gồm: 01 bộ bàn ghế gỗ trắc lõi giá trị 200.000.000 đồng; nhà ở và đất ở tại địa chỉ P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội gồm 02 thửa số 28+30. Trong đó giá trị đất và giá trị xây dựng của thửa đất số 28 là: 1.866.533.450 đồng; giá trị đất và giá trị xây dựng của thửa đất số 30 là: 3.817.233.923 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của hai vợ chồng là: 5.883.767.382 đồng. Chia cho chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H mỗi người được hưởng 1/2 là: 2.941.883.691 đồng.

3.2. Giao tài sản bằng hiện vật cho các bên như sau:

3.2.1. Giao cho anh Nguyễn Thanh H quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở thửa đất số 30 diện tích 34.60 m².

3.2.2. Giao cho chị Phương Thị Minh L quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở thửa đất số 28 diện tích 14.90m². Tạm giao cho chị L quản lý, sử dụng phần diện tích đất tăng chênh là 7,9m². Chị L phải có trách nhiệm thực hiện các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối diện tích này khi có yêu cầu.

3.2.3. Giao chị Phương Thị Minh L bộ bàn ghế cổ bằng gỗ trắc lõi gồm: 01 bàn to, 03 bàn nhỏ, 01 ghế dài, 04 ghế đơn.

3.3. Anh Nguyễn Thanh H phải thanh toán chênh lệch giá trị so với tài sản được hưởng cho chị Phương Thị Minh L là 875.350.241 đồng.

4. Về nợ: Chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

5. Về án phí: Chị Phương Thị Minh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 90.837.673 đồng án phí chia tài sản. Xác nhận chị Phương Thị Minh L đã nộp 53.300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản tại biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0009029 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Còn phải nộp 37.537.673 đồng. Anh Nguyễn Thanh H phải nộp 90.837.673 đồng án phí chia tài sản.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán và tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Trường hợp Quyết định thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra Bản án còn có quyết định về quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/9/2020, anh H nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại với nội dung đề nghị tuyên sửa án sơ thẩm phân chia về tài sản chung theo công sức đóng góp của mỗi bên. Anh H trình bày rằng anh phải được hưởng tỷ lệ phân chia tài sản cao hơn vì cả hai thửa đất tại P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đều có nguồn gốc là do bố mẹ anh cho cá nhân anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh H và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày việc chia đôi tài sản là quyền sử dụng đất và sở hữu nhà như cấp sơ thẩm đã tuyên cho anh và chị L mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ là không đảm bảo quyền lợi cho anh H. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến nguồn gốc của tài sản trên. Anh H xác nhận, nhà đất trên là tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên, khi phân chia tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức đóng góp của mỗi bên vào tài sản chung này để phân định cho hợp lý.

Chị L và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L sau khi trình bày luận cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử bác kháng cáo của anh H và giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên. Chị L trình bày toàn bộ quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của bố mẹ chồng cho anh H, nhưng vợ chồng chị đã duy trì tôn tạo và xây dựng nhà trên các diện tích đất này cũng như sử dụng suốt bao nhiêu năm nay. Khi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh H đã xác định là tài sản chung của vợ chồng và đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho cả vợ chồng chị.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, các đương sự và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về nội dung vụ án như sau:

Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thời hạn xét xử và tố tụng tại phiên tòa, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Kháng cáo của anh H là hợp lệ cần chấp nhận để xem xét.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án này, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh H, sửa Bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Về tình cảm: Chị Phương Thị Minh L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Xác định giá trị quyền sử dụng 02 thửa đất số 28 và 30 tại P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội là do bố mẹ anh Nguyễn Thanh H cho cá nhân anh H, khi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, anh H đã đưa chị L cùng đứng tên quyền sở hữu và sử dụng. Do vậy, công sức đóng góp của anh H vào khối tài sản chung này nhiều hơn so với chị L nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về tài sản theo hướng phân chia cho anh H hơn từ 60% đến 65% giá trị sử dụng đất, về giá trị xây dựng nhà trên đất do vợ chồng cùng xây dựng nên chia mỗi người được hưởng hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị.

Đối với bộ bàn ghế cổ bằng gỗ trắc lõi gồm: 01 bàn to, 03 bàn nhỏ, 01 ghế dài, 04 ghế đơn có trị giá 200.000.000 đồng chia mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án này, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền vì tại thời điểm chị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa thì các tài liệu chứng cứ xác định vợ chồng anh H, chị L sinh sống tại Phòng 12D tập thể Y, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Đống Đa căn cứ khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thanh H nộp hợp lệ đúng thời hạn luật định nên có căn cứ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân phường V đã có quan điểm về phần diện tích tăng chênh tại thửa đất số 28 và vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân của chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Giấy, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 26/8/1993. Hôn nhân của chị L và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng về quan điểm sống. Kể từ năm 2017, anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị L và anh H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và hết khả năng đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy tình trạng mâu thuẫn của chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cấp sơ thẩm xử cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị L Thị Minh Phương và anh Nguyễn Thanh H có hai con chung là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989 và Nguyễn Phương L, sinh năm 1997. Các con chung đều đã trưởng thành, chị Phương và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết về trách nhiệm đối với con chung do các con chung của anh H, chị L đã trưởng thành là đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung:

Về nhà đất tại P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội: Hai thửa đất số 28, tờ bản đồ số 7H-III- 39 và số 30, tờ bản đồ số 7H-III-39 nguyên là của bố mẹ anh H là ông Nguyễn Văn Thịnh và bà Nguyễn Thị Kiều được Công ty xây dựng số 5 Hà Nội phân cho 02 căn hộ nhà cấp 4 nằm trên phần diện tích đất này. Năm 2001, ông Nguyễn Văn Thịnh và bà Nguyễn Thị Kiều đã lập thỏa thuận cho anh Nguyễn Thanh H. Quá trình chung sống, chị L và anh H đã cải tạo, sửa chữa thành 02 căn nhà ở có diện tích như hiện nay. Khi kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở, anh H đã đưa chị L vào cùng đứng tên. Ngày 31/12/2003, Ủy ban nhân dân quận Đống Đa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở cho anh Nguyễn Thanh H và chị L Thị Minh Phương. Các con của anh H, chị L xác nhận không có công sức đóng góp gì vào việc hình thành nên khối tài sản của bố mẹ. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng anh H, chị L là có căn cứ pháp lý. Tuy nhiên, việc xác định công sức đóng góp của hai vợ chồng vào việc hình thành, phát triển khối tài sản là như nhau để chia đều giá trị tài sản chung của vợ chồng là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mỗi bên. Cụ thể, quyền sử dụng đất được hình thành là do bố mẹ anh H cho cá nhân anh H. Anh H khi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận có đưa chị L cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận. Mặc dù xác định là tài sản chung của vợ chồng nhưng tài sản này không phải do vợ chồng anh H, chị L tự tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, chị L không làm rõ được việc có được quyền sử dụng 02 thửa đất này là do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, chị cũng xác nhận nguồn gốc đất của hai vợ chồng là từ bố mẹ anh H cho và anh chị duy trì tôn tạo sử dụng như hiện nay.

Về phần xây dựng công trình trên đất, chị L và anh H cùng xác định được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân bằng công sức và tiền bạc của vợ chồng.

Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định công sức đóng góp của anh H và chị L để tạo lập khối tài sản chung là ngang nhau nên chia đôi khối tài sản chung cho anh H, chị L là không đảm bảo về công sức đóng góp của mỗi bên vào khối tài sản chung này.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng như viện dẫn, phân tích đánh giá ở trên cần phải xét công sức từ phía anh H vào khối tài sản này nhiều hơn so với chị L vì có được sự hậu thuẫn và hỗ trợ của bố mẹ anh H đối với 02 diện tích đất mà anh H, chị L đã xây dựng 02 phần diện tích nhà, do vậy cần sửa án sơ thẩm về phân chia tài sản chung như sau: Chị L được chia 35% giá trị quyền sử dụng đất, anh H được chia 65% giá trị quyền sử dụng đất. Tài sản chung là 02 diện tích nhà xây trên các diện tích đất nói trên được xác định công sức đóng góp như nhau nên được chia mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị, đối với bộ bàn ghế cổ bằng gỗ trắc lõi gồm: 01 bàn to, 03 bàn nhỏ, 01 ghế dài, 04 ghế đơn có trị giá 200.000.000 đồng cũng được chia mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị.

Nhận định này phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn.

Về giá trị tài sản: Hội đồng định giá tài sản đã xác định giá trị tài sản trong vụ án như sau:

- Về giá trị quyền sử dụng đất:

Tổng giá trị quyền sử dụng 02 thửa đất số 28 và 30: **4.702.500.000 đồng**

- Về tài sản trên đất: Tổng giá trị: **981.267.382 đồng** trong đó: Nhà xây dựng trên thửa đất số 28 là **451.033.450 đồng** và trên thửa đất số 30 là **530.233.932 đồng**.

- Giá trị 01 bàn to, 03 bàn nhỏ, 01 ghế dài, 04 ghế đơn là **200.000.000 đồng**.

Về phân chia giá trị cụ thể:

- Về giá trị quyền sử dụng đất: Anh H được chia **4.702.500.000 đồng** x 65% = **3.056.625.000 đồng**, chị L được chia **4.702.500.000 đồng** x 35% = **1.645.875.000 đồng**.

- Về giá trị xây dựng 02 căn nhà + bộ bàn ghế: Anh H được chia (981.267.382 đồng + 200.000.000 đồng) : 2 = **590.633.691 đồng**. Chị L được chia (981.267.382 đồng + 200.000.000 đồng) : 2 = **590.633.691 đồng**

Tổng giá trị mỗi bên được chia như sau:

- Anh H được chia: 3.056.625.000 đồng + 590.633.691 đồng = **3.647.258.691 đồng.**

- Chị L được chia: 1.645.875.000 đồng + 590.633.691 đồng = **2.236.508.691 đồng.**

Đối với diện tích nhà đất tại thửa đất số 28: Diện tích được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là 14.90m². Tuy nhiên, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11.3.2020 thì diện tích thực tế là 22,8m². Như vậy, diện tích tăng chênh là 7,9m². Về vấn đề này tại công văn số 2530/TNMT ngày 03.8.2020 của Ủy ban nhân dân quận Đống Đa và tại Biên bản trao đổi ngày 13.8.2020 giữa Tòa án nhân dân quận Đống Đa và Ủy ban nhân dân phường V thể hiện: Phần diện tích tăng chênh 7,9m² hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích này là phần diện tích đất sân chung của khu tập thể. Do vậy, đối với phần diện tích tăng chênh sẽ được tạm giao và người được tạm giao sẽ phải chấp hành các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hội đồng xét xử sơ thẩm xét nhà đất tại thửa đất số 30 có diện tích là 34.60m² hiện tại có 04 nhân khẩu thường xuyên ăn ở sinh hoạt ổn định là anh Nguyễn Thanh H và vợ chồng cháu Nguyễn Thanh T, Quách Minh H cùng con trai là Nguyễn Phúc Minh K chung sống. Nhà đất tại thửa đất số 28 có diện tích là 14.90m² và hiện chỉ có chị Phương Thị Minh L và con gái sinh sống. Hai nhà đất có cấu tạo riêng biệt, đầy đủ công năng sử dụng. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, anh H có yêu cầu được chia thửa đất số 30. Bản án sơ thẩm đã tuyên giao thửa đất số 30 cho anh H; giao thửa đất số 28 cho chị L sử dụng và tạm giao cho chị L được sử dụng phần diện tích chênh tăng là 7.9m², khi có chính sách thu hồi của Nhà nước thì chị L có nghĩa vụ chấp hành bàn giao theo đúng quy định của pháp luật. Bộ bàn ghế chị L có yêu cầu được sử dụng nên giao cho chị L sử dụng là phù hợp.

Hội đồng xét xử phúc thẩm phân chia cụ thể như sau:

- Giao cho anh Nguyễn Thanh H quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở thửa đất số 30 tờ bản đồ số 7H-III-39 có diện tích 34.60 m² tại P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có giá trị **3.817.233.923 đồng.**

- Giao cho chị Phương Thị Minh L quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở thửa đất số 28 tờ bản đồ số 7H-III-39 diện tích 14.90m² tại P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có giá trị **1.866.533.450 đồng.** Tạm giao cho chị L quản lý, sử dụng phần diện tích đất tăng chênh là 7,9m². Chị L phải có trách nhiệm thực hiện các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối diện tích này khi có yêu cầu. Giao chị Phương Thị Minh L sử dụng bộ bàn ghế cổ bằng gỗ trắc lõi gồm: 01 bàn to, 03 bàn nhỏ, 01 ghế dài, 04 ghế đơn có giá trị **200.000.000 đồng.** Tổng giá trị là: **1.866.533.450 đồng + 200.000.000 đồng = 2.066.533.450 đồng.**

Như vậy, căn cứ vào giá trị từng tài sản do các bên được phân chia thì anh H phải thanh toán phần giá trị chênh lệch cho chị L là: **2.236.508.691 đồng - 2.066.533.450 đồng = 169.975.241 đồng.**

Đối với khoản tiền 70.000.000 đồng vay nợ của vợ chồng anh Nguyễn Thanh N, chị Ngô Thị H, chị L và anh H thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Thỏa thuận này phù hợp với ý kiến của anh N, chị H là không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

Về án phí ly hôn và chia tài sản, do sửa án sơ thẩm về phân chia lại tài sản chung nên án phí được tính lại như sau:

Chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H phải chịu án phí trên tổng giá trị tài sản được chia. Ngoài ra, chị L còn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên anh H không phải chịu **300.000 đồng** án phí phúc thẩm.

Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với quan điểm đề nghị của Vụ đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 293; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 17; Điều 18; Điều 29; Điều 33; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia Đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mẫu thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị Quyết.

Xử:

- Sửa Bản án sơ thẩm số 46/2020/HNGĐ-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội với nội dung như sau:

1. Về tình cảm: Chị Phương Thị Minh L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Xác nhận chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H có 02 con chung là Nguyễn Thanh T (sinh ngày 19/9/1989), Nguyễn Phương L (sinh ngày 06/5/1997) đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

3. Về tài sản chung:

3.1. Xác nhận chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H có các tài sản chung gồm:

- 01 bộ bàn ghế gỗ trắc lõi gồm: 01 bàn to, 03 bàn nhỏ, 01 ghế dài, 04 ghế đơn giá trị **200.000.000 đồng**;

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội gồm 02 thửa số 28+30 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109072754 do Ủy ban nhân dân quận Đống Đa cấp ngày 31/12/2003. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất và giá trị xây dựng của thửa đất số 28 là: **1.866.533.450 đồng**; giá trị quyền sử dụng đất và giá trị xây dựng của thửa đất số 30 là: **3.817.233.923 đồng**.

Tổng giá trị tài sản chung của hai vợ chồng là: **5.883.767.382 đồng**. Anh Nguyễn Thanh H được chia **3.647.258.691 đồng**. Chị Phương Thị Minh L được chia: **2.236.508.691 đồng**.

3.2. Chia tài sản bằng hiện vật cho các bên như sau:

3.2.1. Giao cho anh Nguyễn Thanh H quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở thửa đất số 30 tờ bản đồ số 7H-III-39 có diện tích 34.60 m² tại P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có giá trị **3.817.233.923 đồng**.

3.2.2. Giao cho chị Phương Thị Minh L quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở thửa đất số 28 tờ bản đồ số 7H-III-39 diện tích 14.90m² tại P12 D2 tập thể Y, phường V, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có giá trị **1.866.533.450 đồng**. Tạm giao cho chị L quản lý, sử dụng phần diện tích đất tăng chênh là 7,9m². Chị L phải có trách nhiệm thực hiện các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối diện tích này khi có yêu cầu.

3.2.3. Giao chị Phương Thị Minh L bộ bàn ghế cổ bằng gỗ trắc lõi gồm: 01 bàn to, 03 bàn nhỏ, 01 ghế dài, 04 ghế đơn có giá trị **200.000.000 đồng**.

3.3. Anh Nguyễn Thanh H phải thanh toán chênh lệch giá trị so với tài sản được hưởng cho chị Phương Thị Minh L là **169.975.241 đồng**.

4. Về nợ: Chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Chị Phương Thị Minh L và anh Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục pháp lý về nhà đất theo quy định của pháp luật và phải tuân thủ các quy định của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà đất.

Trường hợp các bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Chị Phương Thị Minh L phải chịu **300.000 đồng** án phí ly hôn sơ thẩm và **76.730.173 đồng** án phí chia tài sản. Xác nhận chị Phương Thị Minh L đã nộp **53.300.000 đồng** án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản tại Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AN/2010/0009029 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chị L còn phải nộp tiếp **23.430.173 đồng**.

Anh Nguyễn Thanh H phải chịu **104.945.173 đồng** án phí chia tài sản.

Anh Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại anh H số tiền **300.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0014817 ngày 23/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tp Hà nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Tòa án nhân dân quận Đống Đa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Lam

